

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3511/QĐ-ĐHTL ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủy lợi)

TT	Học phần (Tiếng Việt)	Học phần (Tiếng Anh)	Mã Học phần	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8	HK 9
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	GENERAL EDUCATION			35									
I.1	Lý luận chính trị	Political Subjects			13									
1	Pháp luật đại cương	General Law	GEL111	Luật	2	2								
2	Triết học Mác - Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	MLP121	Mác-Lênin	3		3							
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	MLPE222	Mác-Lênin	2			2						
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science Socialism	SCSO232	Mác-Lênin	2				2					
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	HCPV343	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2					2				
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	HCMT354	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2						2			
I.2	Kỹ năng	Skills			3									
7	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	Soft Skills and Entrepreneurship	SSE111	Phát triển kỹ năng	3		3							
I.3	Khoa học tự nhiên	Natural Science			10									
8	Vật lý 1	Physics 1	PHYS112	Vật lý	3		3							
9	Giải tích 1	Calculus 1	MATHC111	Toán học	3	3								
10	Giải tích 2	Calculus 2	MATHC123	Toán học	2		2							
11	Nhập môn xác suất thống kê	Introduction to Probability and Statistics	MATH253	Toán học	2			2						
I.4	Tin học	Informatics			3									
12	Kỹ năng số và Khai thác AI	Digital Skills and AI Utilization	CSE105	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	3								
I.5	Ngoại ngữ	Foreign Language			6									

TT	Học phần (Tiếng Việt)	Học phần (Tiếng Anh)	Mã Học phần	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8	HK 9
13	Tiếng Anh 1	English 1	ENG213	Tiếng Anh	3			3						
14	Tiếng Anh 2	English 2	ENG224	Tiếng Anh	3				3					
I.5	Giáo dục quốc phòng	National Defence Education			165t	8*								
I.6	Giáo dục thể chất	Physical Education			3*	1*	1*	1*						
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	PROFESSIONAL EDUCATION			115									
II.1	Kiến thức cơ sở	Foundation Knowledge			48									
II.1.1	Kiến thức cơ sở khối ngành	Foundation Subjects			27									
15	Pháp luật xây dựng	Legal Enviroment in Construction	LAWC315	Kinh tế xây dựng	2		2							
16	Đồ họa kỹ thuật 1	Technical Graphics 1	DRAW213	Đồ họa kỹ thuật	2		2							
17	Đồ họa kỹ thuật 2	Technical Graphics 2	DRAW324	Đồ họa kỹ thuật	2			2						
18	Cơ học cơ sở 1	Engineering Mechanics 1	MECH213	Cơ học kỹ thuật	3			3						
19	Sức bền vật liệu 1	Strength of Materials 1	CE214	Sức bền - Kết cấu	3				3					
20	Cơ học kết cấu 1	Mechanics of Engineering Structures 1	CE315	Sức bền - Kết cấu	3				3					
21	Trắc địa	Surveying	SURV214	Trắc địa	2				2					
22	Thực tập trắc địa	Practice of Surveying	SURV224	Trắc địa	1				1					
23	Kinh tế học	Basic Economics	CET111	Kinh tế	3	3								
24	Quản trị học	Management	BACU101	Quản trị kinh doanh	2	2								
25	Kinh tế lượng	Econometrics	ECON207	Kinh tế	2			2						
26	Marketing xây dựng	Construction Marketing	MAR328	Kinh tế xây dựng	2					2				
II.1.2	Kiến thức cơ sở ngành	Core Subjects			21									
27	Nhập môn Quản lý xây dựng	Introduction to Construction Management	ICM111	Công nghệ và quản lý xây dựng	2	2								
28	Thủy văn công trình	Engineering Hydrology	HYDR346	Thủy văn và Biển đổi khí hậu	3			3						
29	Vật liệu xây dựng	Civil Engineering Materials	CE316	Vật liệu xây dựng	3					3				
30	Kiến trúc công trình	Engineering Architecture	ART336	Đồ họa kỹ thuật	2				2					

TT	Học phần (Tiếng Việt)	Học phần (Tiếng Anh)	Mã Học phần	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8	HK 9
31	Địa kỹ thuật	Geotechnical Engineering	CE355	Địa kỹ thuật	4					4				
32	Kinh tế xây dựng 1	Construction Economics 1	CECON316	Kinh tế xây dựng	2					2				
33	Đồ án Kinh tế xây dựng	Project of Construction Economics	PCECON 317	Kinh tế xây dựng	1					1				
34	Kết cấu thép trong xây dựng	Steel Structure in Construction	SSC316	Kết cấu công trình	2						2			
35	An toàn xây dựng	Construction Safety Management	CET447	Công nghệ và quản lý xây dựng	2						2			
II.2	Kiến thức ngành	Core Area Subjects			67									
II.2.1	Kiến thức bắt buộc	Compulsory Units			44									
36	Đánh giá tác động môi trường	Environment Impact Assessment	ENV316	Kỹ thuật và Quản lý môi trường	2		2							
37	Kết cấu bê tông cốt thép trong xây dựng	Reinforced Concrete Structures in Construction	RCSC315	Kết cấu công trình	3					3				
38	Đồ án kết cấu bê tông cốt thép trong xây dựng	Project of Reinforced Concrete Structures in Construction	CE487	Kết cấu công trình	1					1				
39	Kinh tế xây dựng 2	Construction Economics 2	CECON428	Kinh tế xây dựng	2						2			
40	Công nghệ xây dựng nhà nhiều tầng	High rise Building Construction Technology	TCT418	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	2						2			
41	Quản lý dự án xây dựng	Construction Project Management	CON428	Kinh tế xây dựng	2						2			
42	Kinh tế đầu tư xây dựng	Construction Investment Economics	CON448	Kinh tế xây dựng	2						2			
43	Quản trị hiệu quả công việc trong xây dựng	Performance Management for Construction	PMC 436	Công nghệ và quản lý xây dựng	2						2			
44	Định mức Kinh tế - Kỹ thuật xây dựng	Economic Technical Norms in Construction	ETNC316	Kinh tế xây dựng	2							2		

TT	Học phần (Tiếng Việt)	Học phần (Tiếng Anh)	Mã Học phần	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8	HK 9
45	Quản lý hạ tầng đô thị	Management of Urban Infrastructure	MUI471	Kỹ thuật hạ tầng	2							2		
46	Quản lý rủi ro dự án đầu tư xây dựng	Risk Management in Construction	RMC436	Công nghệ và quản lý xây dựng	2							2		
47	Lập và thẩm định dự án đầu tư	Feasibility of Study Preparation and Appraisal of Investment Projects	ECON428	Kinh tế xây dựng	2							2		
48	Thi công 1	Construction Technology 1	COTE418	Công nghệ và quản lý xây dựng	2							2		
49	Quản lý tài chính trong xây dựng	Financial Management in Construction	FMC462	Tài chính	2							2		
50	Hợp đồng và đấu thầu xây dựng	Construction Contract and Bidding Management	CON367	Kinh tế xây dựng	2							2		
51	Tổ chức xây dựng	Construction Organization	CET438	Công nghệ và quản lý xây dựng	2								2	
52	Đồ án tổ chức xây dựng	Project of Construction Organization	CET438a	Công nghệ và quản lý xây dựng	1								1	
53	Định giá sản phẩm xây dựng	Construction Product Pricing	CPP326	Kinh tế xây dựng	2								2	
54	Tin học ứng dụng trong quản lý xây dựng	Applied Informatic in Construction Management	AICON325	Công nghệ và quản lý xây dựng	2								2	
55	Ứng dụng BIM trong xây dựng	BIM application in Construction	CET441	Công nghệ và quản lý xây dựng	2								2	
56	Giám sát chất lượng công trình	Engineering Construction Inspection	CET498	Công nghệ và quản lý xây dựng	3								3	
57	Thực tập ngành Quản lý xây dựng	Study Trip	CET448	Công nghệ và quản lý xây dựng	2								2	
II.2.2	Kiến thức tự chọn	Selective Units			8							4	4	
58	Xây dựng bền vững	Sustainability Construction Fundamentals	SCF447	Công nghệ và quản lý xây dựng	2							2		

TT	Học phần (Tiếng Việt)	Học phần (Tiếng Anh)	Mã Học phần	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8	HK 9
59	Hoàn công và thanh quyết toán công trình	Completion and Settlement of the Project	CSP428	Kinh tế xây dựng	2								2	
60	Đồ án Kinh tế đầu tư xây dựng	Project of Construction Investment Economics	PCIE446	Kinh tế xây dựng	1							1		
61	Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý xây dựng	English In Construction Management	CEC222	Công nghệ và quản lý xây dựng	2							2		
62	Tối ưu hóa trong quản lý xây dựng	Optimization in Management of civil engineering	OMCE415	Công nghệ và quản lý xây dựng	2								2	
63	Kinh tế thủy lợi	Water Resources Economics	IREC422	Kinh tế xây dựng	2							2		
64	Quản lý dự án	Project Management	PJM322	Kinh tế xây dựng	2							2		
65	Trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số trong quản lý xây dựng	Artificial Intelligence and Digital Transformation in Construction Management	ADCM466	Công nghệ và quản lý xây dựng	2								2	
66	Định giá sản phẩm, dịch vụ công ích	Public Goods and Services Pricing	CPGE221	Kinh tế xây dựng	2							2		
67	Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp xây dựng	Business Analysis in Construction Enterprises	BACE220	Kinh tế xây dựng	2								2	
68	Phát triển kỹ năng quản trị	Developing Management Skills	DMS422	Phát triển kỹ năng	2								2	
69	Kinh tế và quản lý khai thác đường	Economic and Management of Highway Exploitation	CETT476	Công trình giao thông	2							2		
70	Nguyên lý kế toán	Accounting Principles	ACC102	Kế toán	3							2		
II.3	Thực tập và học phần tốt nghiệp	Internship and Graduation Thesis			15									15
1	Thực tập tốt nghiệp	Internship for Graduation Thesis	IGT483	Công nghệ và quản lý xây dựng	8									8
2	Đồ án tốt nghiệp	Graduation Thesis	IGT489	Công nghệ và quản lý xây dựng	7									7
	Tổng cộng (I + II)	Total (I+II)			150	15	17	17	16	18	16	18	18	15